

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CHO CBQL VÀ GVMN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON

Chuyên đề 1: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÀO NHẬP TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ QUẢN LÝ LỚP HỌC HOÀ NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT

I. Tổ chức giáo dục hòa nhập trong cơ sở giáo dục mầm non

1. Vấn đề chung

- Nêu một số khái niệm về: Luật Người khuyết tật (2010) ”¹

- Điều 26 Luật Giáo dục 2019 quy định cụ thể như sau: Cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) bao gồm: 1) Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 03 tuổi; 2) Trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập nhận trẻ em từ 03 tuổi đến 06 tuổi; 3) Trường MN, lớp MN độc lập là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi.

- Khoản 1, Điều 2 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật có nêu: Người khuyết tật được nhập học ở độ tuổi cao hơn so với quy định chung là 3 tuổi.

- Theo những quy định nêu trên, tập huấn tập trung vào quy trình quản lý và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân đối với trẻ khuyết tật đang học trong các cơ sở giáo dục mầm non có độ tuổi từ 3 tháng tuổi đến 9 tuổi.

2. Vai trò của cơ sở giáo dục mầm non trong can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

2.1. Đặc trưng cơ bản của giáo dục hòa nhập

2.2. Phát hiện dấu hiệu và sàng lọc trẻ khuyết tật

- Thực tế đang tồn tại nhiều bộ công cụ sàng lọc khác nhau, tuy nhiên bộ công cụ ASQ-3 phiên bản Việt Nam là bộ công cụ đã được chuẩn hoá một cách công phu, đảm bảo sự phù hợp cho đối tượng trẻ em Việt Nam mẫu giáo 3 – 6 tuổi trong sàng lọc để phát hiện ra nguy cơ chậm trễ trong sự phát triển.

2.3. Cung cấp thông tin cho chẩn đoán, xác định khuyết tật

¹ Luật Người khuyết tật 51/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010.

- Chẩn đoán, xác định khuyết tật là công việc của Hội đồng xác định khuyết tật cấp Xã/phương hoặc các nhà chuyên môn thực hiện theo Thông tư số 01/2019/TT – BLĐTBXH ngày 2 tháng 1 năm 2019. Thông tư quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện nêu rõ: tham khảo ý kiến của cơ sở giáo dục trong trường hợp người cần xác định mức độ khuyết tật đang theo học. Nếu nhận được yêu cầu của Hội đồng, giáo viên có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết về đặc điểm khả năng và nhu cầu của trẻ đó theo mẫu số 4. Phiếu cung cấp thông tin về người được xác định mức độ khuyết tật (ban hành cùng thông tư số 01/2019/TT – BLĐTBXH).

3. Quản lý giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật trong cơ sở GDMN

3.1. Khái niệm

3.2. Mục tiêu

3.3. Nội dung quản lý giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật trong cơ sở GDMN

- Lập kế hoạch giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật
- Quản lý việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân
- Quản lý việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân
- Quản lý việc đánh giá và chuyển tiếp trẻ
- Quản lý sinh hoạt chuyên môn và xây dựng môi trường giáo dục hoà nhập
- Quản lý hoạt động truyền thông và phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật
- Quản lý phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

4. Thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân

4.1. Quy trình giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

Giáo dục hoà nhập được tiến hành theo quy trình gồm bốn bước: 1) Hiểu khả năng, nhu cầu, môi trường phát triển của học sinh khuyết tật; 2) Xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch giáo dục cá nhân; 3) Thực hiện kế hoạch; 4) Đánh giá kết quả giáo dục.

4.2. Kế hoạch chuyển tiếp và bàn giao trẻ

Các nội dung thực hiện trong buổi bàn giao trẻ gồm có: i) Trao đổi về đặc điểm, nhu cầu học tập, giao tiếp của trẻ; ii) Giới thiệu các hồ sơ và cách thu thập thông tin, quản lí hồ sơ của trẻ tại lớp đang học; iii) Bàn giao hồ sơ; iv) Thảo luận và chia sẻ những vấn đề cần lưu ý trong giáo dục và chăm sóc trẻ.

II. Quản lý lớp học hòa nhập trẻ khuyết tật

1. Những vấn đề chung về quản lí lớp học hòa nhập trong cơ sở GDMN

1.1. Giáo dục hoà nhập và lớp học hoà nhập

- Khái niệm giáo dục hòa nhập và lớp học hòa nhập ở cơ sở GDMN, theo Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GDĐT;

- Đặc điểm của lớp học hòa nhập: Về đối tượng trẻ em trong lớp học; các hoạt động giáo dục; giáo viên; môi trường học tập; cha mẹ của trẻ...

1.2. Quản lý lớp học hoà nhập trong cơ sở GDMN

Mục tiêu của việc quản lý lớp học hòa nhập

Yêu cầu đối với quản lý lớp học hòa nhập

Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục trong lớp hòa nhập: (1) Môi trường lớp học; (2) Nội qui lớp học ; (3) Hành vi của trẻ trong lớp; (4) Phương pháp tổ chức hoạt động của giáo viên

2. Hướng dẫn quản lý lớp học hòa nhập

2.1. Xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập

Hướng dẫn xây dựng môi trường học tập hòa nhập: Môi trường vật chất và môi trường tâm lý- xã hội

2.2. Quản lý việc xây dựng và thực hiện nội quy lớp học hòa nhập

Hướng dẫn xây dựng nội quy lớp học và thực hiện nội quy lớp học

2.3. Quản lý hành vi của trẻ em trong lớp hòa nhập

Giúp trẻ hình thành và phát triển các hành vi mong muốn

Giảm những hành vi không mong muốn

2.4. Quản lý hoạt động giáo dục trẻ và môi trường làm việc của giáo viên

Quản lý việc tổ chức các hoạt động giáo dục bao gồm: (1) Lập kế hoạch, (2) Hoạt động chuyển tiếp, (3) Các hoạt động theo nhóm, (4) Kế hoạch chi tiết tổ chức hoạt động giáo dục, (5) Tài liệu/đồ dùng, đồ chơi/thiết bị.

Tổ chức môi trường làm việc của giáo viên trong lớp học

3. Thực hành các kỹ năng quản lý lớp học hòa nhập

Chuyên đề 2: NGHIỆP VỤ TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON

Nội dung 1: Thực trạng công tác KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với CSGD mầm non tại Việt Nam.

Hoạt động 1.1: Thực trạng công tác KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

1. Khái niệm KĐCLGD trường mầm non

Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non là hoạt động đánh giá (bao gồm tự đánh giá và đánh giá ngoài) để xác định mức độ trường mầm non đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và việc công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ quan quản lý nhà nước.

2. Mục đích: Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định trường mầm non đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường mầm non; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện bảo đảm cho trường mầm non không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

3. Thực trạng công tác KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia

- i) Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo; ii) Đối với các sở giáo dục; iii) Kết quả KĐCLGD

Hoạt động 1.2. Những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai hoạt động KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia

- i) Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo; ii) Đối với các sở giáo dục; iii) Đối với CSGD

2. Nội dung 2: Một số kỹ thuật thu thập, xử lý, phân tích, sử dụng, lưu trữ và bảo quản minh chứng

Hoạt động 2.1: Phân tích tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục và dự kiến các minh chứng cần thu thập.

1. Khái niệm minh chứng

Minh chứng được hiểu là những văn bản, hồ sơ, sổ sách, băng, đĩa hình, hiện vật đã và đang có của nhà trường phù hợp với nội hàm của chỉ báo, tiêu chí. Minh chứng được sử dụng để chứng minh cho các nhận định, kết luận trong mục “Mô tả hiện trạng” từng tiêu chí của báo cáo TĐG.

2. Phân tích tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục

Để việc thu thập, xử lý, sử dụng, lưu trữ và bảo quản minh chứng của CSGD được hiệu quả, chính xác, trước hết phải “Phân tích tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục”.

Để đánh giá thực trạng từng nội hàm của chỉ báo, tiêu chí, nhà trường có thể tự đặt ra và trả lời (ứng với nội hàm) các câu hỏi như:

- Nhà trường có hay không lập kế hoạch thực hiện yêu cầu?
- Nhà trường đã thực hiện, đã hoàn thành, đã đạt được yêu cầu chưa?
- Mức độ mà nhà trường đã có (đã thực hiện, đã hoàn thành, đã đạt được) những yêu cầu đó như thế nào? Yêu cầu đã đạt được của nhà trường so với yêu cầu theo quy định chung như thế nào?
- So với các trường khác cùng có điều kiện tương đồng (kinh tế - xã hội, văn hóa,...) như thế nào?

- Nhà trường đã thực hiện “vượt trên” yêu cầu như thế nào?
- Nhà trường rà soát, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu như thế nào? ...
- Những bằng chứng để khẳng định nhà trường có kế hoạch thực hiện yêu cầu, rà soát, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu,...

=> Trả lời những câu hỏi trên, nhà trường đã phân tích được tiêu chí, định hướng được việc thu thập minh chứng và chuẩn bị cho các bước tiếp theo của quy trình TĐG.

Hoạt động 2.2: Kỹ thuật thu thập, xử lý, sử dụng minh chứng, lưu trữ và bảo quản minh chứng

1. Kỹ thuật thu thập minh chứng

1.1. Các nguồn minh chứng:

Thông thường, minh chứng được thu thập từ các nguồn như hồ sơ lưu trữ của trường, các cơ quan có liên quan; kết quả khảo sát, điều tra, phỏng vấn và quan sát các hoạt động giáo dục của trường,...

1.2. Minh chứng có nguồn gốc rõ ràng và bảo đảm tính chính xác

Nhà trường có thể sắp xếp theo minh chứng hoặc “nhóm minh chứng” theo thứ tự từng nội hàm của từng chỉ báo.

1.3. Một số kỹ thuật khi tiến hành thu thập minh chứng

- Liệt kê các văn bản cần tìm; đơn vị, bộ phận nào lưu trữ;
- Đối chiếu, so sánh nội dung của văn bản với các yêu cầu cụ thể của tiêu chí đánh giá....
- Đặt câu hỏi tự chất vấn mình và chất vấn người cung cấp thông tin;
- Sắp xếp và nhóm các minh chứng theo thứ tự trong từng chỉ báo;
- Tổ chức thảo luận, trao đổi, phản biện .

2. Xử lý và phân tích các minh chứng

Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được của nhóm công tác hoặc cá nhân. Khi các minh chứng được sử dụng, Hội đồng TĐG lập Bảng danh mục mã minh chứng (tham khảo Phụ lục, Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL).

3. Sử dụng minh chứng: Mỗi minh chứng chỉ được mã hóa một lần. Minh chứng được dùng cho nhiều tiêu chí trong một tiêu chuẩn hoặc nhiều tiêu chuẩn thì mang mã minh chứng của tiêu chí, tiêu chuẩn được sử dụng lần thứ nhất.

4. Lưu trữ và bảo quản: Có thể tập hợp, sắp xếp minh chứng trong các hộp/cặp theo thứ tự mã hóa.

3. Nội dung 3: Cách viết Phiếu đánh giá tiêu chí

Hoạt động 3.1: Cách mô tả hiện trạng

1. Mô tả hiện trạng

Khi mô tả hiện trạng cần bám sát nội hàm của chỉ báo, tiêu chí. Mỗi chỉ báo, tiêu chí thường có những từ, cụm từ quan trọng có ý nghĩa như là “từ khóa”, cần lưu ý từ khóa đó khi mô tả hiện trạng. Mỗi chỉ báo, tiêu chí có một hoặc nhiều nội hàm. Các phân tích, nhận định phải đi kèm với các minh chứng cụ thể. Sau mỗi mô tả, phân tích, nhận định phải có minh chứng đi kèm (minh chứng đã được mã hóa). Không xếp hàng các minh chứng ở cuối cùng của phần mô tả hiện trạng.

2. Thực hành: Học viên trao đổi, thảo luận và nhận xét cách mô tả trong VD (chỉ ra những ưu, nhược điểm trong cách mô tả và nội dung mô tả).

Hoạt động 3.2. Cách xác định điểm mạnh, điểm yếu

i) Điểm mạnh; ii) Điểm yếu; iii) Cách xác định điểm mạnh, điểm yếu: Có thể thực hiện việc so sánh theo ba cách là: (i) So sánh với yêu cầu chung;; (ii) So sánh với các trường có cùng sứ mạng; (iii) So với chính khả năng của trường mình.

Hoạt động 3.3. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng

1. Căn cứ để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ việc xác định chính xác điểm mạnh và điểm yếu (cơ sở vật chất; về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên; về tài chính,...) và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, từ đó đưa ra những biện pháp, giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng.

2. Một số lưu ý khi xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần tránh định kiến là cứ phải có nhiều tiền, có nhiều người thì mới cải tiến được chất lượng. Điều này phụ thuộc vào năng lực điều hành và quản lý của cán bộ quản lý cấp trường, cấp tổ, nhóm. Ngành giáo dục đặc biệt là ngành giáo dục mầm non vốn có tinh thần vượt khó và có nhiều sáng tạo, đặc biệt trong lĩnh vực làm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị vận động phục vụ giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ. Cần phát huy tinh thần đó trong việc thực hiện cải tiến chất lượng trong các nhà trường.

Hoạt động 3.4: Đánh giá kết quả đạt được của từng chỉ báo/tiêu chí

Những điểm mới trong cách đánh giá kết quả đạt được của từng chỉ báo/tiêu chí:
i) Không đánh giá theo tiêu chuẩn mà đánh giá theo chỉ báo, tiêu chí và mức; ii) Chỉ báo được đánh giá đạt khi tất cả các nội hàm trong chỉ báo phải đạt; iii) Tiêu chí được đánh giá đạt khi tất cả các chỉ báo trong tiêu chí phải đạt.

Thực hành viết phiếu đánh giá tiêu chí

Chuyên đề 3: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

Nội dung 1. Một số vấn đề chung về giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non

Hoạt động 1. Phân tích về khái niệm và quan điểm đổi mới về giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non

1.1. Một số khái niệm

Giáo dục thẩm mỹ: giáo dục thẩm mỹ được hiểu như là một quá trình tác động có định hướng, có kế hoạch nhằm xây dựng và phát triển ở con người các năng lực nhận thức, thụ cảm và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ.

Giáo dục phát triển thẩm mỹ là một lĩnh vực quan trọng trong chương trình giáo dục mầm non nhằm hình thành một trong những năng lực cơ bản, cốt lõi của trẻ – năng lực thẩm mỹ.

Phù hợp bối cảnh địa phương: Trẻ mầm non luôn có mối quan hệ gắn bó mật thiết với môi trường sống xung quanh. Môi trường sống gần gũi với sự đa dạng về điều kiện tự nhiên, văn hoá, xã hội, gia đình tạo nên sự khác biệt về thể chất, mối quan hệ xã hội, tình cảm, trí tuệ của mỗi đứa trẻ.

Giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương là một quá trình tác động có mục đích, có hệ thống dựa trên bối cảnh, điều kiện thân thuộc với trẻ, sẵn có tại địa phương, những trải nghiệm trẻ đã biết và có thể tìm hiểu, khám phá để phát triển ở trẻ em năng lực cảm thụ cái đẹp, hiểu đúng đắn về cái đẹp, giáo dục trẻ lòng yêu cái đẹp và năng lực sáng tạo ra cái đẹp trong tự nhiên, trong đời sống xã hội, cá nhân và trong nghệ thuật.

1.2. Các quan điểm đổi mới trong giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non

- Giáo dục phát triển thẩm mỹ cần giúp cho trẻ được đắm mình trong cái đẹp và có cơ hội để trau dồi kinh nghiệm thẩm mỹ. Hay nói cách khác, cần tạo môi trường nuôi dưỡng, hình thành cảm xúc và ý thức về vẻ đẹp, sau đó tạo ra cái đẹp cho trẻ.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về đặc điểm phát triển thẩm mỹ của trẻ mầm non

1.3. Đặc điểm phát triển thẩm mỹ của trẻ em mầm non

1.3.1. Đặc điểm phát triển thẩm mỹ của trẻ nhà trẻ

1.3.1.1. Sự phát triển ý thức thẩm mỹ của trẻ nhà trẻ

Cảm xúc thẩm mỹ: Đặc điểm giàu xúc cảm là nét đặc trưng trong sự phát triển cảm xúc thẩm mỹ của trẻ nhà trẻ. “Trẻ rất dễ rung cảm trước màu sắc hài hòa, âm thanh êm dịu. Trẻ bắt đầu hướng vào cái đẹp, yêu thích cái đẹp và dần dần biết phân biệt cái đẹp”. *Thị hiếu thẩm mỹ của trẻ lứa tuổi nhà trẻ mới hình thành ở mức sơ đẳng và không bền vững, chịu sự chi phối mạnh mẽ của cảm xúc.*

1.3.1.2. Sự phát triển hoạt động thẩm mỹ của trẻ nhà trẻ

a) **Hoạt động tạo hình:** Hoạt động tạo hình gồm có các dạng hoạt động cơ bản như vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình, in...

b) **Hoạt động âm nhạc:** Hoạt động âm nhạc ở trẻ mầm non gồm có các dạng hoạt động: Hát, nghe hát/nghe nhạc, vận động theo nhạc.

1.3.2. Đặc điểm phát triển thẩm mỹ của trẻ mẫu giáo

1.3.2.1. Đặc điểm phát triển ý thức thẩm mỹ

Đối với trẻ mẫu giáo, ý thức thẩm mỹ được biểu hiện nổi bật ở thành tố cảm xúc thẩm mỹ, các thành tố như thị hiếu thẩm mỹ, quan điểm thẩm mỹ, lý tưởng thẩm mỹ hình thành rõ nét hơn so với trẻ nhà trẻ trên cơ sở phát triển của cảm xúc thẩm mỹ.

1.3.2.2. Đặc điểm phát triển hoạt động thẩm mỹ của trẻ mẫu giáo

a) Hoạt động tạo hình

Hoạt động tạo hình ở trẻ mẫu giáo được mở rộng hơn gồm các dạng hoạt động đang dạng như vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình, đan tết, in dập, điêu khắc.... Đặc điểm rõ nét trong hoạt động tạo hình ở trẻ là tính *duy kỷ*.

b) Hoạt động âm nhạc

Nghe nhạc/nghe hát: cảm giác về âm nhạc, tai nghe và kinh nghiệm nghe nhạc của trẻ cũng được tích lũy thông qua việc được thường xuyên tiếp xúc với âm nhạc.

- *Hát*: trẻ biết thể hiện giọng hát phù hợp với sắc thái bài hát, giọng hát đã vang hơn, âm sắc ổn định, tầm cỡ giọng cũng mở rộng hơn.

- *Vận động theo nhạc*:

Hoạt động 3. Thảo luận về các yêu cầu đối với việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ phù hợp với bối cảnh địa phương

1.4. Những yêu cầu đối với việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

2. Nội dung 2. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

Hoạt động 4. Hướng dẫn lựa chọn nội dung giáo dục phát triển thẩm mỹ phù hợp với bối cảnh địa phương

2.1. Lựa chọn nội dung

Từ mục tiêu của lĩnh vực giáo dục thẩm mỹ trong chương trình GDMN, GV xác định nội dung giáo dục để cung cấp cho trẻ kiến thức, kỹ năng hoạt động âm nhạc, tạo hình, cách vận dụng chúng để thể hiện bản thân, giải quyết nhiệm vụ học tập, các vấn đề xảy ra trong cuộc sống và phát triển tư duy sáng tạo.

2.1.1. Nội dung phát triển cảm xúc thẩm mỹ cho trẻ nhà trẻ

2.1.2. Nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo

2.1.3. Âm nhạc

Hoạt động 5. Tìm hiểu về cách tổ chức môi trường giáo dục phát triển thẩm mỹ phù hợp với bối cảnh địa phương

2.2. Xây dựng môi trường môi trường giáo dục phát triển thẩm mỹ phù hợp với bối cảnh địa phương

2.2.1. Môi trường vật chất

2.2.1.1. Môi trường trong lớp học: Môi trường trong lớp đảm bảo tính thẩm mỹ, thân thiện, thể hiện nét đặc trưng về văn hoá, truyền thống dân tộc, vùng, miền.

- *Không gian/khu vực diễn ra hoạt động âm nhạc, tạo hình:* Tùy điều kiện của địa phương, từng cơ sở giáo dục và mục đích, nội dung của mỗi hoạt động cụ thể mà giáo viên có thể lựa chọn và phối hợp một cách phù hợp các không gian khi tổ chức hoạt động cho trẻ, đảm bảo tính đa dạng...

2.2.1.2 Môi trường ngoài lớp: Cổng trường, cửa lớp và cảnh quan thể hiện được sự thân thiện; tạo cho trẻ cảm giác gần gũi, thân thuộc với đời sống hàng ngày; làm cho trẻ cảm thấy được chào đón và nơi này thuộc về trẻ. Có thể sử dụng các cây, nguyên liệu, đồ dùng, chất liệu phổ biến ở địa phương để dùng vào việc trang trí. Sắp xếp cảnh quan trường lớp (cổng, lối đi, sân vườn, khu vực chơi ngoài trời) thuận tiện cho các hoạt động của trẻ. Trong quan hệ giữa cô và trẻ..

Hoạt động 5. Hướng dẫn cách tổ chức hoạt động giáo dục thẩm mỹ cho trẻ phù hợp với bối cảnh địa phương

2.3. Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ phù hợp với bối cảnh địa phương

Giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non thực hiện thông qua nhiều hoạt động ở trường mầm non và ở mọi lúc, mọi nơi:

- *Hoạt động chơi:* Trò chơi đóng vai theo chủ đề; chơi đóng kịch; ...

- *Hoạt động chơi tập (nhà trẻ) hoạt động học (mẫu giáo):* Tổ chức các hoạt động nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc) dưới hình thức hoạt động học .

- *Hoạt động lao động* trong trường và một số hoạt động nơi công cộng hướng vào nội dung bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp

- *Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân:* Chú trọng vào dạy trẻ kỹ năng, hành vi văn hóa trong ăn uống, vệ sinh lành mạnh, lịch sự.

- *Các hoạt động trải nghiệm khác:* ngày lễ, hội, tham quan, giao lưu ...nhằm bồi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ, phát triển thẩm mỹ, sự sáng tạo cho trẻ.

2.3.1. Tổ chức các hoạt động âm nhạc

- *Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ nhà trẻ:* Trẻ nhà trẻ ở những tháng tuổi khác nhau có sự khác nhau đáng kể về khả năng ngôn ngữ, nhận thức, vận động và khả năng thể hiện cảm xúc.

- *Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*

2.3.2. Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mẫu giáo

- Tạo hình theo mẫu
- Tạo hình theo đề tài

4.2.4. Đánh giá việc tổ chức hoạt động

- Mục đích đánh giá việc tổ chức hoạt động nhằm giúp GV xem xét việc tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc so với mục tiêu đề ra, phát hiện những thuận lợi, khó khăn, thành công, hạn chế cần điều chỉnh để có biện pháp phù hợp.

- Nội dung, tiêu chí đánh giá:

+ Nội dung đánh giá gồm:

- Kế hoạch giáo dục
- Các điều kiện, thiết bị tổ chức hoạt động
- Năng lực tổ chức hoạt động của GV
- Kiến thức, kỹ năng, thái độ và sự tham gia của trẻ
- Sự kể nói, hỗ trợ của nhà trường, cha mẹ trẻ và cộng đồng

+ Các tiêu chí đánh giá cần phải lấy các mục tiêu trong kế hoạch, mục đích cuối cùng của giáo dục làm tiêu chí để đánh giá các khâu hoạt động. Tiêu chí đánh giá cần trả lời các câu hỏi sau:

➤ Kế hoạch giáo dục có được thiết kế phù hợp bối cảnh địa phương, tôn trọng và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc trong cơ sở giáo dục

➤ Các điều kiện, thiết bị tổ chức hoạt động: chú ý đến các điều kiện, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của GV và trẻ được sử dụng trong hoạt động

➤ Chất lượng/kết quả các hoạt động:

+ Các hoạt động được tổ chức có đảm bảo kế hoạch đề ra không.

+ Kết quả hình thành trên trẻ (kiến thức, kỹ năng, thái độ) và sự tham gia của trẻ có đạt so với các mục tiêu không.

➤ Năng lực tổ chức hoạt động của GV: kỹ năng tổ chức, quản lý, đưa ra những hỗ trợ kịp thời, phù hợp đối với trẻ/ nhóm trẻ.

➤ Điều kiện tổ chức hoạt động, môi trường giáo dục: khả năng đã có của trẻ; sự hỗ trợ của cha mẹ, cộng đồng, nhà trường; thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu.

➤ Thành công/thất bại của các hoạt động là gì? Cần cải thiện, điều chỉnh/thay đổi nội dung, hoạt động giáo dục nào để phù hợp với trẻ/ điều kiện tại địa phương?...

- *Cách thực hiện:* GV chủ động quan sát, ghi chép quá trình tổ chức hoạt động, đưa ra chi tiết nhận xét về việc tổ chức hoạt động bao gồm sự chuẩn bị và sử dụng nguyên vật liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tổ chức hoạt động có đúng, đủ và hiệu quả so với kế hoạch đặt ra, tiến trình hoạt động và cách thức GV tổ chức, xử lý tình huống.

Hoạt động 6. Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào bài tập thực hành

Chuyên đề 4: HƯỚNG DẪN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CHO TRẺ MẦM NON PHÙ HỢP VỚI BỐI CẢNH ĐỊA PHƯƠNG

Nội dung 1: Một số vấn đề chung về nâng cao năng lực cho giáo viên MN trong tổ chức các hoạt động giáo dục PTNT cho trẻ MN phù hợp với bối cảnh địa phương

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm, yêu cầu, nội dung nâng cao năng lực cho giáo viên mầm non trong tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

1.1. Nâng cao năng lực trong tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

Nâng cao năng lực là làm tăng thêm khả năng học hỏi và thích nghi với cái mới, là quá trình xác định, bồi dưỡng, rèn luyện năng lực mới, cần thiết cho vị trí của từng cá nhân hoặc đội ngũ trong tương lai. Bản chất của nâng cao năng lực là làm gia tăng sự kết hợp hài hòa giữa *kiến thức, kỹ năng, hành vi và thái độ* của mỗi cá nhân.

Phù hợp với bối cảnh địa phương là việc khai thác các đặc điểm, tận dụng tối đa các ưu thế (từ tự nhiên, xã hội, văn hóa...) tại nhóm/lớp, địa phương ...

Tổ chức giáo dục PTNT phù hợp với bối cảnh địa phương là quá trình sắp xếp, bố trí có mục đích, có kế hoạch của GVMN dựa trên bối cảnh, điều kiện sẵn có tại địa phương nhằm giúp trẻ có được tri thức về thế giới gần gũi xung quanh, tự hào về nơi sống, thúc đẩy quá trình phát triển của trẻ.

1.2. Yêu cầu về nâng cao năng lực trong tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

- Giáo viên phải có vốn kiến thức về đặc điểm PTNT của trẻ MN tại nhóm, lớp, địa phương, về đặc điểm tình hình cụ thể (tự nhiên, xã hội...) của địa phương.
- Có kỹ năng lựa chọn, phát triển chương trình, kỹ năng lập kế hoạch...
- Lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với đặc điểm phát triển tâm, sinh lý của trẻ.
- Tuân theo yêu cầu của chương trình GDMN.
- Xây dựng môi trường vật chất và môi trường tâm lý xã hội
- Tạo hứng thú, phát triển kỹ năng nhận thức và tăng cường kiến thức về đặc điểm của địa phương cho trẻ theo từng độ tuổi...

1.3. Nội dung của việc nâng cao năng lực cho giáo viên mầm non trong tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

Hoạt động 2: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục PTNT cho trẻ MN phù hợp với bối cảnh địa phương

2.1. Kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của giáo viên mầm non

Những kiến thức, kinh nghiệm phong phú về đặc điểm địa phương (phong tục tập quán, lễ hội truyền thống, khả năng giúp trẻ vận kiến thức toán vào cuộc sống...) là

cơ sở giúp GV biết lập kế hoạch, xây dựng môi trường, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức, tổ chức các hoạt động PTNT hiệu quả.

2.2. Bối cảnh của địa phương

Bối cảnh địa phương về các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, văn hóa, xã hội có ảnh hưởng lớn tới việc tổ chức các hoạt động giáo dục PTNT cho trẻ. Đặc biệt, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.

2.3. Nội dung hoạt động phát triển nhận thức

Nội dung các hoạt động PTNT có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả phát triển PTNT cho trẻ mầm non. Nội dung PTNT phong phú, hấp dẫn sẽ khơi gợi hứng thú nhận thức, kích thích tính tò mò, ham hiểu biết, hình thành kỹ năng, thái độ nhận thức tích cực ở trẻ.

2.4. Các yếu tố liên quan đến đặc điểm cá nhân

Mức độ nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động PTNT phụ thuộc nhiều vào đặc điểm của từng cá nhân (sự nhạy bén, trí thông minh, tính tích cực nhận thức, tinh thần hợp tác, giới tính, độ tuổi, hoàn cảnh gia đình...) của GVMN và của trẻ.

Nội dung 2: Hướng dẫn nâng cao năng lực cho giáo viên mầm non trong tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ MN phù hợp với bối cảnh địa phương

Hoạt động 3: Tìm hiểu về cách giáo viên trang bị kiến thức để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

3.1. Trang bị kiến thức để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ MN phù hợp với bối cảnh địa phương

GV cần hiểu rõ đặc điểm PTNT của trẻ trong nhóm, lớp, của địa phương, thấy được tầm quan trọng của việc trang bị nền tảng kiến thức khoa học về bối cảnh tự nhiên, văn hóa xã hội của địa phương đối với sự phát triển của trẻ. Lựa chọn, phát triển được nội dung giáo dục PTNT phù hợp với bối cảnh địa phương.

Hoạt động 4: Lập kế hoạch, lựa chọn và phát triển nội dung các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức phù hợp với bối cảnh địa phương

4.1. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

Kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục PTNT nằm trong kế hoạch giáo dục chung của nhóm, lớp. Căn cứ vào Chương trình GDMN, khả năng của trẻ và bối cảnh địa phương. Nội dung hoạt động hấp dẫn, thu hút trẻ và gắn với đặc điểm về tự nhiên, xã hội tại địa phương.

4.2. Lựa chọn và phát triển nội dung các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức phù hợp với bối cảnh địa phương

Hoạt động 5: Xây dựng môi trường tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

5.1. Xây dựng môi trường tổ chức các hoạt động giáo dục PTNT cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

- Xây dựng và sử dụng môi trường vật chất dựa trên đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ, phù hợp với điều kiện văn hóa, xã hội, đồ dùng, nguyên vật liệu của địa phương.

- Hoạt động làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán có thể sử dụng vật thật (các loại hạt, quả, sỏi, đá, khối gỗ, vỏ bầu, sọ dừa, vỏ sò, vỏ ốc...), vật mẫu, tranh, ảnh, biểu bảng, mô hình về các hình dạng, kích thước, ...

- Hoạt động KPKH có thể sử dụng đa dạng nguyên vật liệu về nguồn gốc, tính chất, với nhiều đồ dùng đặc thù (nam châm, kính lúp,...)...

Hoạt động 6: Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

6.1. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ nhà trẻ phù hợp với bối cảnh địa phương

Tổ chức hoạt động PTNT cho trẻ nhà trẻ dựa trên khả năng của trẻ, điều kiện về tự nhiên, văn hoá, xã hội, cơ sở vật chất...của địa phương dưới nhiều hình thức, đan xen hoạt động tĩnh - động và mức độ nâng dần phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ.

6.2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ mẫu giáo phù hợp với bối cảnh địa phương

6.3. Đánh giá trong tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương

Đánh giá việc tổ chức hoạt động giáo dục PTNT cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương được thực hiện hằng ngày, theo giai đoạn và cuối độ tuổi một cách khách quan, dựa trên các tiêu chí cụ thể.

Chuyên đề 5: HƯỚNG DẪN SINH HOẠT TỔ BỘ MÔN TRONG TRƯỜNG MẦM NON

1. Một số vấn đề chung về sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của trường mầm non

- Khái niệm: Sinh hoạt chuyên môn; Sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của trường mầm non.

- Vai trò, đặc điểm, yêu cầu của sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của trường mầm non

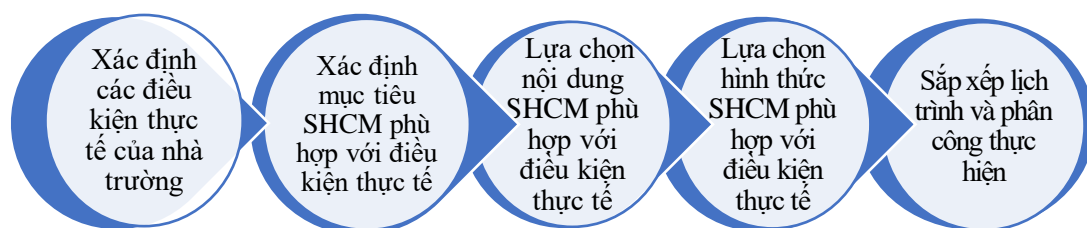
2. Thực trạng sinh hoạt chuyên môn của trường mầm non hiện nay

Phân tích, đánh giá một số vấn đề về sinh hoạt chuyên môn của trường mầm non hiện nay như: Thời gian sinh hoạt chuyên môn tại trường mầm non; Nhận thức, năng lực, trình độ của cán bộ, giáo viên, nhân viên; Kế hoạch, nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn; Cơ sở vật chất và các điều kiện tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn của trường mầm non

3. Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của trường mầm non

3.1. Lập kế hoạch sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của trường mầm non

Hướng dẫn lập kế hoạch sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của trường mầm non theo 5 bước:



3.2. Tổ chức chỉ đạo và thực hiện sinh hoạt chuyên môn phù hợp điều kiện thực tế của trường mầm non

- Nhiệm vụ, vai trò của từng thành viên trong nhà trường: Hiệu trưởng; phó Hiệu trưởng; tổ trưởng chuyên môn; giáo viên, nhân viên.

- Quan điểm chỉ đạo và thực hiện: Nhiệm vụ sinh hoạt chuyên môn được thực hiện theo quan điểm không tách rời với các nhiệm vụ khác của nhà trường và đảm bảo không phát sinh thêm hồ sơ sổ sách so với quy định gây áp lực cho GVNV; Nhà trường có thể tự chủ linh hoạt trong việc xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn cùng với kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn của phó Hiệu trưởng hoặc kế hoạch của tổ chuyên môn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong sinh hoạt chuyên môn để tháo gỡ những khó khăn hiện nay về thời gian tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại trường, nâng cao hiệu quả SHCM, đáp ứng sự phát triển trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

3. Đánh giá SHCM phù hợp với điều kiện thực tế của trường mầm non

- Đánh giá sinh hoạt chuyên môn được thực hiện bởi mọi thành viên trong nhà trường, thông qua tự đánh giá hoặc trao đổi qua các buổi hội họp, sinh hoạt chuyên môn để điều chỉnh việc tổ chức và thực hiện sinh hoạt chuyên môn đạt chất lượng, hiệu quả.

- Việc đánh giá tính phù hợp của hoạt động sinh hoạt chuyên môn trong trường mầm non được cụ thể theo các nội dung về: nhận thức; mục tiêu, nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn; kết quả.

Chuyên đề 6: HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID 19 TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

1. Nội dung 1. Tổ chức chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em mầm non để phòng, chống dịch COVID 19

1. Vai trò của dinh dưỡng trong phòng chống dịch COVID 19 cho trẻ em mầm non

Dinh dưỡng có vai trò quan trọng trong việc điều hòa hệ miễn dịch của cơ thể. Dinh dưỡng cung cấp các nguyên liệu cho cơ thể con người, tạo ra hệ miễn dịch. Do vậy, cần thường xuyên chế độ ăn uống khoa học, hợp lý và duy trì lối sống lành mạnh, rèn luyện thể lực đều đặn để có sức khỏe tốt

2. Chế độ ăn khoa học, hợp lý cho trẻ em mầm non để phòng chống dịch bệnh Covid 19

2.1. Nguyên tắc chung: Dinh dưỡng trong phòng chống dịch Covid 19 quan trọng nhất là dinh dưỡng hợp lý và ăn đa dạng thực phẩm, giúp cơ thể khỏe mạnh, tăng cường hệ miễn dịch. Không có một loại thực phẩm riêng biệt nào có tác dụng phòng ngừa Covid 19.

2.2. Chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ mầm non để phòng chống dịch bệnh

- Ăn đủ số lượng thực phẩm theo từng độ tuổi được khuyến nghị (theo tháp dinh dưỡng hợp lý).

- Đảm bảo cung cấp đủ năng lượng, các chất sinh năng lượng, vitamin và chất khoáng theo nhu cầu của mỗi lứa tuổi.

- Đa dạng thực phẩm, đảm bảo cung cấp đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng (nhóm bột đường, nhóm chất đạm, nhóm chất béo, nhóm vitamin và chất khoáng).

- Tăng cường bổ sung thực phẩm giàu đạm, các vitamin và chất khoáng tham gia vào các hoạt động của hệ thống miễn dịch, ...

- Cho trẻ uống đủ nước để đảm bảo hoạt động tốt nhất cho các hệ cơ quan.

2.3. Đối với trẻ bị ốm

- Trẻ phải được khám bệnh và điều trị bệnh sớm, tuân thủ hướng dẫn của bác sĩ; Trẻ cần được tăng cường các chất dinh dưỡng trong giai đoạn phục hồi bệnh.

- Cần tư vấn cán bộ dinh dưỡng nếu trẻ có suy dinh dưỡng hoặc bệnh nền (nhiễm khuẩn, rối loạn chuyển hóa...).

3. Một số lưu ý khi xây dựng thực đơn, lựa chọn thực phẩm phòng chống dịch COVID 19 cho trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non

- Đảm bảo các nguyên tắc xây dựng thực đơn theo quy định:

- Bữa chính buổi trưa của trẻ em nhà trẻ và mẫu giáo có ít nhất trên 10 loại thực phẩm trong đó có 3-5 loại rau củ, đảm bảo định lượng khoảng 60-80g rau củ đã được sơ chế (loại bỏ rễ, lá sâu, vỏ, chưa rửa) và 2-3 loại thực phẩm cung cấp chất đạm ...

- Các món ăn đa dạng, giàu chất dinh dưỡng, tùy theo ẩm thực địa phương, thay đổi cách chế biến...

- Trong mùa dịch, nguồn thực phẩm cung ứng có thể bị hạn chế về số chủng loại thực phẩm, vì vậy các cơ sở giáo dục mầm non cần ký kết với một số nhà cung ứng khác nhau để đảm bảo nguồn cung ứng thực phẩm không bị gián đoạn.

- Lựa chọn thực phẩm tươi ngon; Sử dụng các thực phẩm bắt buộc bổ sung vi chất dinh dưỡng.. (Nghị định 09/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

- Sử dụng đơn vị thực phẩm thay thế theo hướng dẫn để thay thế thực phẩm khi nguồn cung ứng không đáp ứng do thời tiết, mùa dịch.

2. Nội dung 2. Bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống lây nhiễm COVID 19 trong tổ chức bữa ăn bán trú tại cơ sở giáo dục mầm non

2.1. Khi tiếp nhận thực phẩm

- Địa điểm nơi giao nhận: nên giao nhận thực phẩm ở khu vực trước cửa kho của khu vực bếp, đảm bảo thông khí.

- Các thực phẩm chuyên đến phải được bao gói cẩn thận theo quy định.

- Trong điều kiện vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch Covid khi giao nhận thực phẩm, người vận chuyển thực phẩm chuyên thực phẩm đến khu vực giao nhận (được đánh dấu hoặc có biển chỉ báo), bảo đảm khoảng cách ít nhất 2 m; người nhận thực phẩm kiểm tra và nhận thực phẩm. Nên giới hạn số lượng người (nhân viên, tài xế giao hàng) có mặt một lúc ở một thời điểm

- Trong quá trình giao nhận thực phẩm, yêu cầu người giao và người nhận đều phải đeo khẩu trang.

2.2. Khi chế biến thực phẩm

- Sau khi nhận hàng, nhân viên nhà bếp gỡ bỏ bao bì vào thùng rác sau đó rửa tay. Không chạm vào mũi, miệng, mắt, không ăn uống hay chạm vào thực phẩm khác khi chưa rửa tay bằng xà phòng và nước sát khuẩn và các khâu khác theo đúng quy định. Thực hành vệ sinh tốt và tuân thủ nghiêm ngặt các qui định khi sơ chế thực phẩm để thực phẩm không bị nhiễm khuẩn, nhiễm độc, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm...

2.3. Bố trí nơi ăn bảo đảm giãn cách hợp lý

3. Nội dung 3. Tăng cường giáo dục dinh dưỡng và phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong đảm bảo chế độ dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm phòng dịch COVID 19 cho trẻ tại gia đình

Hoạt động 1. Một số nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe cho trẻ mầm non để phòng, chống dịch Covid 19

3.1. Nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe cho trẻ mầm non để phòng, chống dịch Covid 19

3.1.1. Những việc trẻ cần thực hiện ở trường để phòng, chống dịch Covid 19

3.1.2. Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách theo quy trình 6 bước

3.1.3 Hướng dẫn trẻ đeo khẩu trang đúng cách (với sự hỗ trợ của giáo viên hoặc người lớn) Một số nội dung giáo viên phải thường xuyên giáo dục trẻ khi sử dụng khẩu trang.

3.2 Hoạt động 2. Truyền thông về dinh dưỡng hợp lý, an toàn vệ sinh thực phẩm để phòng chống dịch Covid 19

- Lời khuyên dinh dưỡng phòng chống dịch Covid 19
- Lời khuyên về vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịch COVID-19
- Quy định về đeo khẩu trang phòng chống dịch bệnh Covid 19 (Quyết định số 1053/QĐ-BYT ngày 06/02//2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn đeo khẩu trang phòng, chống dịch COVID-19 tại nơi công cộng)

* Quy định đeo khẩu trang áp dụng đối với các địa điểm công cộng, nơi tập trung đông người

* Quy định đeo khẩu trang tại cơ sở giáo dục mầm non

- Đeo khẩu trang đúng cách
- Một số lưu ý khi tuyên truyền tại cơ sở giáo dục mầm non
- Sử dụng poster truyền thông của Bộ GDĐT, Bộ Y tế/ngành Y tế địa phương.
- Thiết kế và bố trí bảng, tranh ảnh tuyên truyền tại các vị trí dễ nhìn, nhiều người có thể tiếp cận.

3.3 Hoạt động 3. Phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong đảm bảo chế độ dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm phòng dịch COVID 19 cho trẻ tại gia đình.

Chuyên đề 7: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CẢM XÚC CHO TRẺ MẦM NON THÔNG QUA TRẢI NGHIỆM TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

Nội dung 1: Một số vấn đề lý luận về tổ chức các HĐ GDCX cho trẻ MN qua trải nghiệm trong các cơ sở GDMN (2 tiết lý thuyết; 2 tiết thực hành).

Hoạt động 1: 1.1. Khái niệm có liên quan

1.1.1. Khái niệm cảm xúc

CX là những rung động thể hiện thái độ của chủ thể đối với đối tượng có liên quan đến sự thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu của cá nhân hoặc đáp ứng hay không đáp ứng những yêu cầu của xã hội và được thể hiện qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ (khuôn mặt, tư thế, cử chỉ điệu bộ).

1.1.2. Khái niệm CX của trẻ mầm non

CX của trẻ MN là những rung động thể hiện thái độ của trẻ đối với đối tượng có liên quan đến sự thỏa mãn nhu cầu của bản thân hoặc đáp ứng những yêu cầu của xã

hội và được thể hiện qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ (khuôn mặt, tư thế, cử chỉ điệu bộ).

1.1.3. Khái niệm trải nghiệm và giáo dục qua trải nghiệm

Trải nghiệm là quá trình cá nhân tiếp xúc với sự vật, hiện tượng trong môi trường và vận dụng vốn kinh nghiệm, các giác quan để tiến hành giải quyết một vấn đề nào đó, qua đó có được kinh nghiệm về kiến thức, kỹ năng hoặc tình cảm thái độ nhất định.

Giáo dục qua trải nghiệm là hoạt động sư phạm của nhà giáo dục thực hiện việc thiết kế, tổ chức, điều khiển quá trình dạy học bằng cách tạo điều kiện cho trẻ tích cực được thử nghiệm, khám phá, suy ngẫm và phản hồi các kinh nghiệm mà trẻ đã trải qua để hình thành ở trẻ những kinh nghiệm mới về kiến thức, kỹ năng hoặc thái độ nhất định.

1.2. Đặc điểm và biểu hiện CX của trẻ MN các độ tuổi trong các HĐ ở trường mầm non

a. Đặc điểm và biểu hiện CX của trẻ nhà trẻ

b. Đặc điểm và biểu hiện CX của trẻ mẫu giáo

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến CX của trẻ mầm non

1.3.1. Nhóm yếu tố thuộc về bản thân trẻ (tính cách, khí chất, ngôn ngữ, kinh nghiệm ứng xử, khả năng tiếp nhận, sức khỏe, thể lực...)

1.3.2. Những yếu tố khách quan

* Nhóm yếu tố thuộc về GV (cách ứng xử, mối quan hệ giữa GV và trẻ, đánh giá của giáo viên...).

* Nhóm yếu tố thuộc về gia đình: Cách ứng xử và phong cách GD của gia đình.; Điều kiện kinh tế của gia đình, trẻ sống trong gia đình có kinh tế ổn định, được đáp ứng các nhu cầu chính đáng của bản thân, sẽ có CX tích cực.

1.4. Giáo dục cảm xúc cho trẻ MN qua trải nghiệm

1.4.1. Mục đích giáo dục cảm xúc cho trẻ mầm non

GDCX cho trẻ MN qua trải nghiệm là quá trình tổ chức các HĐ trải nghiệm giúp trẻ hình thành những rung động thể hiện thái độ tích cực của trẻ với mọi người xung quanh hướng đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

1.4.2. Nội dung giáo dục cảm xúc cho trẻ mầm non: i) GD năng lực nhận biết CX của bản thân và người khác; ii) GD năng lực hiểu CX của bản thân và người khác; iii) GD năng lực sử dụng và kiểm soát CX của bản thân

1.4.3. Phương pháp và hình thức giáo dục phát triển cảm xúc cho trẻ mầm non

- *Làm gương, làm mẫu*: Giáo viên tôn trọng các loại cảm xúc của trẻ, không phớt lờ, nhạo báng hay làm trẻ xấu hổ hoặc thể hiện sự tức giận khi trẻ không làm chủ được cảm xúc của mình.

- *Trò chơi*: GV có thể tổ chức các trò chơi đóng vai, đóng kịch giúp trẻ hóa thân vào nhân vật, dễ dàng thể hiện cảm xúc tự nhiên với các nhân vật.

- *Sử dụng câu chuyện, bài thơ, bài hát*: Bài hát, bài thơ có vần điệu hoặc âm nhạc có thể được sử dụng để tăng cường cho trẻ tự nhận thức về những CX đã được phát triển thông qua các HĐ khác.

- *Sử dụng tranh ảnh và thẻ lô tô để dạy trẻ về cảm xúc*.

- *Trò chuyện, đàm thoại*. Thảo luận với trẻ về cách giải quyết vấn đề. Tận dụng cơ hội để dạy trẻ học cách kiềm chế hành vi, thay đổi sự biểu lộ cảm xúc.

- *Dạy trực tiếp trong các tình huống thực tế*. Dạy trẻ thể hiện cảm xúc bằng lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với các tình huống thực tế

- *Dạy với các hoạt động ở góc học tập trong lớp*.

- *Động viên, khuyến khích*. Khuyến khích trẻ thể hiện cảm xúc của mình một cách phù hợp trong cuộc sống hàng ngày. Tạo các cơ hội để trẻ chia sẻ và nói về các cảm xúc của mình với người lớn và bạn bè.

- *Luyện tập và rèn kỹ năng mọi lúc, mọi nơi, thông qua các hoạt động vẽ, sáng tác kịch bản, cắt ghép tranh, các hoạt động hằng ngày với bạn bè, người thân trong gia đình*.

1.4.4. Quy trình tổ chức các HĐ GDCX qua trải nghiệm của trẻ MN

Giai đoạn 1: Trẻ được trải nghiệm (GV tổ chức HĐ giúp trẻ tích lũy kinh nghiệm)

Giai đoạn 2: Phân tích trải nghiệm: Đây là giai đoạn tạo diễn đàn để trẻ chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về CX, từ đó có nhận thức đúng về các CX.

Giai đoạn 3: Hình thành kinh nghiệm về CX: Kinh nghiệm được đúc kết qua trải nghiệm gắn liền với nội dung hoạt động của trẻ xoay quanh chủ đề/ đề tài trải nghiệm.

Giai đoạn 4: Khuyến khích trẻ thể hiện CX trong HĐ và sinh hoạt hàng ngày: Giai đoạn này nhằm mục đích khuyến khích trẻ tích cực thể hiện CX trong cuộc sống với nhiều đối tượng, trong nhiều tình huống phù hợp với nhu cầu, mong muốn và khả năng của trẻ.

Nội dung 2. Thực trạng tổ chức các hoạt động GDCX cho trẻ MN qua trải nghiệm ở các cơ sở GDMN.

2.1. Mức độ biểu hiện CX của trẻ MN trong các hoạt động

Qua quan sát các biểu hiện của trẻ ở trong nhóm, lớp kết hợp trẻ thực hiện các bài tập và trả lời một số câu hỏi cho thấy, hầu hết trẻ đều mong muốn hiểu được CX của bản thân và của người khác, biết quan tâm đến CX của người khác như hỏi thăm khi thấy bạn buồn, khóc, chia sẻ, dỗ dành, động viên bạn....

2.2. Các HĐ trải nghiệm được sử dụng để GDCX cho trẻ MN ở các cơ sở GDMN

Để tìm hiểu thực trạng tổ chức các HĐ trải nghiệm để GDCX cho trẻ MN ở các cơ sở GDMN, cũng như những thuận lợi và khó khăn của GV trong quá trình tổ chức các HĐ trải nghiệm, chúng tôi đã tiến hành khảo sát nhanh 220 GV ở một số cơ sở GDMN. Kết quả khảo sát thu được (*nội dung cụ thể ở tài liệu kèm theo*)

2.3. Thuận lợi, khó khăn của GV và nhà trường khi tổ chức các HĐ GDCX cho trẻ MN qua trải nghiệm

Chủ quan: GV trẻ tuổi, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, yêu mến trẻ em, hiểu đặc điểm của trẻ, biết cách tổ chức các HĐ và hướng dẫn trẻ tham gia vào các HĐ trong ngày, tạo nhiều cơ hội cho trẻ được trải nghiệm. Mặt khác, GV có hiểu biết về nội dung và phương pháp GD trẻ nói chung.

Khách quan: Về trẻ: Trẻ thông minh, nhanh nhẹn, khỏe mạnh, có nền nếp, mạnh dạn trong giao tiếp, ngôn ngữ mạch lạc, thể hiện CX chân thực.

Bên cạnh những thuận lợi, GV còn gặp nhiều khó khăn trong việc GDCX cho trẻ qua trải nghiệm như:

Chủ quan: GV chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tích hợp nội dung GDCX cho trẻ vào các hoạt động, trong việc thiết kế và tổ chức các HĐ cho trẻ trải nghiệm để GDCX cho trẻ, chưa có kinh nghiệm trong việc phối hợp với cha mẹ trẻ để khai thác tiềm năng của gia đình trong việc GDCX cho trẻ.

Khách quan: Nhiều GV cho rằng số trẻ trong lớp quá đông nên khó tổ chức HĐ trải nghiệm, việc phân các nhóm cho trẻ trải nghiệm khiến GV bị động về thời gian và ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả của trải nghiệm...

3. Thực hành tổ chức các HĐ GDCX cho trẻ MN qua trải nghiệm ở các cơ sở GDMN
